

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 01/7/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Quyết Thắng và ông Cà Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2022/TLST-HN&GD ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lường Thị T; năm sinh: 1996; địa chỉ: Bản Phai M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt, có lý do.

Bị đơn: Anh Lường Văn T; năm sinh: 1992; địa chỉ: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2022, Biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lường Thị T và anh Lường Văn T chung sống với nhau từ năm 2014, nhưng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 27/9/2017. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Kể từ khi chung sống thì hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không tu chí làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Chị T và anh T không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian không còn chung sống giữa hai bên không còn liên

lạc, quan tâm, chia sẻ gì với nhau. Do thời gian không sống chung kéo dài, nên dẫn đến tình cảm của chị Tâm với anh Thới không còn, chị Tâm không thể kéo dài cuộc sống chung với anh T; vì vậy chị Lương Thị T xin được ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn T có 02 con chung, cháu là Lương Văn H; sinh ngày 05/11/2014 và Lương Quỳnh N; sinh ngày 24/4/2019. Khi khởi kiện ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động. Chị T không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên sau khi tiếp nhận được văn bản ý kiến của anh T, ngày 27/6/2022 chị T thay đổi về nguyện vọng nuôi con. Chị T đồng ý giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Về án phí: Chị Lương Thị T đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại đơn đề nghị và đơn xin xét xử vắng mặt của anh T, anh T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh Lương Văn T và chị Lương Thị T chung sống với nhau từ năm 2014, nhưng đến ngày 27/9/2017 đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Trong cuộc sống chung đã có những bất đồng quan điểm sống, đến khi đi làm thuê thì mâu thuẫn bắt đầu nảy sinh. Anh T và chị T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị T xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lương Văn T và chị Lương Thị T có 02 con chung, cháu là Lương Văn H; sinh ngày 05/11/2014 và Lương Quỳnh N; sinh ngày 24/4/2019. Anh T nhận được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động, giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị T, cho chị Lương Thị T ly hôn với anh Lương Văn T; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lương Quỳnh N; sinh ngày 24/4/2019 cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Lương Văn H; sinh ngày 05/11/2014 cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên không đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản

1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của chị T đề nghị Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T, do chị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Lương Thị T với anh Lương Văn T thì được xác định là vụ án yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện, anh T có nơi ĐHKHTT tại bản P, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Lương Thị T và anh Lương Văn T đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 20/5/2022, anh T vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 10/6/2022, nhưng vì lý do của Hội thẩm nhân dân không thể tiếp tục phiên tòa, không có Hội thẩm thay thế nên đã tạm ngừng phiên tòa. Tại phiên tòa 01/7/2022, anh T và chị Tâm đều có đơn xin vắng mặt, việc đưa ra xét xử vắng mặt của đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn T chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 27/9/2017. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn T đều thừa nhận, mối quan hệ hôn nhân bị rạn nứt do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị T và anh T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian không sống chung, giữa hai bên đều không còn chia sẻ, quan tâm, yêu thương nhau. Vì không còn tình cảm với anh T, nên chị T đã xin ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn. Để đảm bảo khách quan hơn về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T, Tòa án đã tiến hành xác minh thấy: Chị T đã không còn sống chung với anh T, do cả hai bên đều thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Từ những căn cứ nêu trên thấy rằng, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T đã có rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật

Hôn nhân & gia đình; đề chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị T, cho chị Lường Thị T ly hôn với anh Lường Văn T.

[3] Về con chung: Trong quá trình khởi kiện, chị Lường Thị T có yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Lường Văn H, sinh ngày 15/11/2014 và cháu Lường Quỳnh N, sinh ngày 24/4/2019; nhưng đến ngày 27/6/2022 chị T thay đổi yêu cầu sau khi tiếp nhận được nguyện vọng của anh Lường Văn T về nuôi con. Xét việc thay đổi yêu cầu của chị T về giao nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với thực tế vì hiện tại chị T đang nuôi dưỡng cháu N, còn anh T đang nuôi dưỡng cháu H và không vượt quá yêu cầu khởi kiện. Khi nuôi dưỡng con chung, chị T và anh T đảm bảo về chỗ ở và điều kiện sinh hoạt, cuộc sống của các cháu đều đang diễn ra ổn định. Hơn nữa cháu H cũng có nguyện vọng được ở với anh T. Vì vậy chấp nhận thay đổi yêu cầu của chị T. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu H và cháu N, tiếp tục có cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; thì HĐXX thấy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao cho chị Lường Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Giao cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị T và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng; việc không yêu cầu cấp dưỡng, HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu H và cháu N, nên HĐXX không giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí; Hội đồng xét xử xét thấy chị Lường Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị T có đơn đề nghị miễn án phí vì vậy chị T đủ điều kiện được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Lương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Quỳnh N; sinh ngày 24/4/2019 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Giao cho anh Lương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Văn H; sinh ngày 05/11/2014 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lương Thị T, anh Lương Văn T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Lương Thị T và anh Lương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T và anh T thực hiện quyền này.

Chị Lương Thị T và anh Lương Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

4. Về án phí: Chị Lương Thị T được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị T, anh Lương Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

